Người ký: Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh
Cơ quan: Tỉnh Tây Ninh
Thời gian ký: 29.05.2021 11:06:49 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 151 /BC-UBND	*Tây Ninh, ngày 28 tháng 5 năm 2021*

BÁO CÁO
Đánh giá kết quả thực hiện Quyết định số 48/2016/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ

Thực hiện Công văn số 1253/LĐTBXH-VPQGGN ngày 04/5/2021 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc đánh giá kết quả thực hiện Quyết định số 48/2016/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh báo cáo như sau:

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH SỐ 48/2016/QĐ-TTG NGÀY 31/10/2016 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

1. Công tác triển khai ban hành Quyết định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020.

Căn cứ Khoản 1, Điều 14 của Quyết định số 48/2016/QĐ-TTg, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh đã trình Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh ban hành Nghị quyết số 08/2018/NQ-HĐND ngày 29/3/2018 và UBND tỉnh ban hành Quyết định số 19/2018/QĐ-UBND ngày 8/6/2018 về việc quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện các dự án thành phần thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2018 – 2020. Trong giai đoạn 2018-2020, UBND tỉnh đã ban hành các quyết định phân bổ vốn hỗ trợ của Trung ương và nguồn vốn đối ứng của địa phương thực hiện các dự án thành phần thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững tỉnh Tây Ninh.

2. Đánh giá sự phù hợp của hệ thống tiêu chí được quy định tại Quyết định số 48/2016/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 (tính công khai, minh bạch, công bằng)

a) Sự phù hợp của hệ thống tiêu chí phân bổ vốn:

Tiêu chí phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp cho các địa phương gồm 04 nhóm sau đây:

(1) Tiêu chí dân số và dân tộc thiểu số.

(2) Tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo và quy mô hộ nghèo.

(3) Tiêu chí diện tích đất tự nhiên.

(4) Tiêu chí về đơn vị hành chính và các huyện, xã.

Qua thời gian thực hiện, việc áp dụng các tiêu chí phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình MTQGGN bền vững phù hợp với điều kiện của địa phương. Bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho địa phương. Bảo đảm công khai, minh bạch trong việc phân bổ vốn kế

hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

b) Sự phù hợp của hệ thống tiêu chí, hệ số phân bổ vốn theo từng dự án, tiểu dự án và hoạt động

Hệ thống tiêu chí, hệ số phân bổ vốn theo từng dự án, tiểu dự án: Bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho địa phương. Bảo đảm công khai, minh bạch trong việc phân bổ vốn kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

3. Đánh giá việc thực hiện bố trí tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo (MTQGGN) bền vững giai đoạn 2016-2020

Tổng nguồn lực huy động thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020: **3.774,352 tỷ đồng**, trong đó:

- Nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương: 122,831 tỷ đồng.
- Nguồn vốn ngân sách địa phương: 6,369 tỷ đồng.
- Nguồn vốn lồng ghép: 37,425 tỷ đồng.
- Nguồn vốn tín dụng: 2.475,67 tỷ đồng.
- Nguồn vốn huy động khác: 1.132,057 tỷ đồng.

Đối với việc đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững, tỉnh Tây Ninh không thực hiện bố trí đối ứng trực tiếp theo tỷ lệ quy định tại Quyết định số 48/2016/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ, nguồn vốn đầu tư cho các xã Chương trình 135 được thực hiện lồng ghép trong các Chương trình, dự án khác tại địa phương. Nguyên nhân là do tỉnh đã xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 và kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (NTM) giai đoạn 2016-2020, trong đó tỉnh đã chọn các xã Chương trình 135 là xã phấn đấu đạt chuẩn NTM, nguồn lực được tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng để hoàn thành các tiêu chí NTM tại các xã, đến hết năm 2019 có 06 xã Chương trình 135 được công nhận đạt chuẩn NTM, dự kiến năm 2020 có thêm 07 xã Chương trình 135 hoàn thành các tiêu chí xây dựng NTM, nâng tổng số xã hoàn thành Chương trình 135 là 13/16 xã.

Thực hiện đúng quy định về phân bổ vốn, quản lý, sử dụng, thanh quyết toán vốn đầu tư. Huy động tối đa nguồn vốn các cấp để tổ chức thực hiện Chương trình như vốn đầu tư của doanh nghiệp, các khoản đóng góp tự nguyện của người dân trong xã cho từng dự án cụ thể do HĐND xã thông qua, các nguồn hỗ trợ của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân cho các dự án đầu tư. Tuy nhiên, việc huy động vốn ngoài ngân sách cho xây dựng NTM còn khó khăn do tác động của đời sống kinh tế, dịch bệnh ảnh hưởng đến thu nhập của người dân; vốn huy động từ các doanh nghiệp không nhiều.

4. Những mặt được, tồn tại, hạn chế và nguyên nhân trong việc thực hiện Quyết định số 48/2016/QĐ-TTg

a) Những mặt được

- Quyết định số 48/2016/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phù hợp với Luật Ngân sách, Luật Đầu tư công, Nghị quyết số 1023/NQ-UBTVQH13 ngày 28 tháng 8 năm 2015 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 – 2020; Nghị quyết số 100/2015/QH13 ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 – 2020 và Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02 tháng 9 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020;

- Bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho địa phương.

- Bảo đảm công khai, minh bạch trong việc phân bổ vốn kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

b) Tồn tại hạn chế

- Việc ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện các dự án thành phần thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững tỉnh Tây Ninh theo Quyết định số 48/2016/QĐ-TTg còn chậm.

- Cơ quan chủ trì Chương trình MTQGGN bền vững (Sở Lao động – Thương binh và Xã hội) còn lúng túng trong công tác tham mưu quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện các dự án thành phần thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững.

c) Nguyên nhân

- Công tác tham mưu, phối hợp giữa các sở, ngành có liên quan chưa cao, chưa thống nhất một số tiêu chuẩn, điểm chuẩn trong các tiêu chí.

- Đối với cơ quan chủ trì Chương trình, việc quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước là nhiệm vụ mới, tương đối khó khăn, trong khi đội ngũ cán bộ thực hiện công tác giảm nghèo các cấp phần lớn là kiêm nhiệm, năng lực chuyên môn còn hạn chế.

II. ĐỀ XUẤT NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ, ĐỊNH MỨC PHÂN BỔ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG VÀ TỶ LỆ VỐN ĐỐI ỨNG CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO VÀ AN SINH XÃ HỘI BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2021-2025

1. Hệ thống tiêu chí phân bổ vốn

- Tiếp tục áp dụng các chí quy định tại Quyết định số 48/2016/QĐ-TTg, gồm:

+ Tiêu chí dân số và dân tộc thiểu số.

+ Tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo và quy mô hộ nghèo.

+ Tiêu chí diện tích đất tự nhiên.

+ Tiêu chí về đơn vị hành chính và các huyện, xã.

2. Hệ thống tiêu chí theo từng dự án, tiểu dự án (dự kiến)

2.1. Dự án 01: Giảm nghèo bền vững (05 Tiểu dự án)

a) Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các huyện nghèo và xã đặc biệt khó khăn vùng cồn bãi, bãi ngang ven biển và hải đảo (không có ý kiến đề xuất).

b) Tiểu dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế và phát triển mô hình giảm nghèo để nâng cao thu nhập cho người nghèo.

Tập trung hỗ trợ cho các đối tượng: người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, ưu tiên hộ nghèo dân tộc thiểu số và phụ nữ thuộc hộ nghèo, nhóm hộ, cộng đồng dân cư; tổ chức và cá nhân có liên quan;

Phân bổ theo tỷ lệ hộ nghèo và quy mô hộ nghèo của xã.

c) Tiểu dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp để nâng cao thu nhập cho người nghèo.

Tập trung hỗ trợ cho các đối tượng: người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, ưu tiên hộ nghèo dân tộc thiểu số và phụ nữ thuộc hộ nghèo, nhóm hộ, cộng đồng dân cư; tổ chức và cá nhân có liên quan;

Xem xét đến điều kiện tự nhiên để phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp, tỷ lệ hộ nghèo và quy mô hộ nghèo của xã.

d) Tiểu dự án 4: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin.

Tính đại diện cho khu vực của địa phương về sản xuất sản phẩm thông tin, tuyên truyền và quy mô đối tượng thụ hưởng được ưu tiên thực hiện nội dung dự án.

Phân bổ theo tỷ lệ hộ nghèo và quy mô hộ nghèo huyện/xã.

đ) Tiểu dự án 5: Nâng cao năng lực tổ chức thực hiện chương trình giảm nghèo.

Tập trung nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp gồm: cán bộ thôn, bản, đại diện cộng đồng, lãnh đạo tổ nhóm, cán bộ chi hội đoàn thể, cộng tác viên giảm nghèo, người có uy tín, ưu tiên nâng cao năng lực cho cán bộ nữ;

2.2 Dự án 02: Phát triển hệ thống giáo dục nghề nghiệp và việc làm bền vững (04 tiểu dự án):

a) Tiểu dự án 1: Đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

- Phát triển, chuẩn hóa đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp;
- Phát triển chương trình, giáo trình, tài liệu, tài nguyên học liệu đào tạo;
- Hỗ trợ đầu tư cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp về cơ sở vật chất và trang thiết bị đào tạo;
- Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý dạy và học;
- Điều tra khảo sát, dự báo, thống kê, đánh giá về giáo dục nghề nghiệp, tổ chức truyền thông, tư vấn hướng nghiệp, định hướng phân luồng học sinh, hỗ trợ khởi nghiệp và tạo việc làm;
- Kiểm soát chất lượng trong quá trình đào tạo và sau đào tạo giáo dục nghề nghiệp;

- Đào tạo, đào tạo lại, chuyển đổi nghề nghiệp cho người lao động thích ứng với cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4;

- Thúc đẩy doanh nghiệp tham gia giáo dục nghề nghiệp và phát triển kỹ năng;

b) Tiểu dự án 2: Đào tạo nghề cho những đối tượng chính sách (không có ý kiến đề xuất).

c) Tiểu dự án 3: Hỗ trợ đào tạo, nâng cao trình độ cho lao động đi làm việc theo hợp đồng có thời hạn ở nước ngoài.

- Trong giai đoạn 2021-2025 đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng 300 lao động/năm. Lao động được hỗ trợ đào tạo về kỹ năng nghề, ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu của nước tiếp nhận lao động, hỗ trợ chi phí khám sức khỏe, hộ chiếu visa. Đưa khoảng 1.500 lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài; hỗ trợ đào tạo kỹ năng nghề, ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu của nước tiếp nhận lao động, hỗ trợ chi phí khám sức khỏe, hộ chiếu, thị thực. Đối tượng gồm: Người dân tộc thiểu số; Người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định của pháp luật; Thân nhân của người có công với cách mạng; Người thuộc hộ bị thu hồi đất nông nghiệp quy định tại Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động bị thu hồi đất;

- Hỗ trợ cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, bao gồm:

+ Hỗ trợ chi phí làm thủ tục hộ chiếu, thị thực, khám sức khỏe, lý lịch tư pháp trước khi đi làm việc ở nước ngoài theo quy định của pháp luật.

+ Hỗ trợ giải quyết rủi ro trong thời gian làm việc ở nước ngoài theo quy định của pháp luật

- Nâng cao trình độ cho lao động đi làm việc theo hợp đồng có thời hạn ở nước ngoài, bao gồm:

+ Hỗ trợ đào tạo nghề, ngoại ngữ, bồi dưỡng kiến thức cần thiết

+ Hỗ trợ đào tạo, nâng cao trình độ tay nghề.

d) Tiểu dự án 4: Phát triển thị trường lao động và việc làm.

- Từng bước nâng cao tỷ lệ lao động tìm được việc làm qua hệ thống Trung tâm Dịch vụ việc làm; đưa hoạt động sàn giao dịch việc làm trở thành hoạt động thường xuyên tại Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh và Khu công nghiệp Phước Đông – Bời Lời; hiện đại hóa hệ thống thông tin thị trường lao động, cơ sở dữ liệu về thị trường lao động.

- Nhiệm vụ chủ yếu:

+ Nâng cao năng lực hoạt động Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh

+ Hàng năm, tổ chức Điều tra, ghi chép, cập nhật thông tin Cung, Cầu lao động theo quy định tại Thông tư số 27/2015/TT-BLĐTBXH ngày 24/7/2015 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, để hình thành cơ sở dữ liệu hệ thống thị trường lao động của tỉnh, kết nối với thị trường khu vực và cả nước (từ xã, phường, thị trấn đến huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh).

+ Tổ chức Sàn giao dịch việc làm.

2.3. Dự án 03: Phát triển hệ thống trợ giúp xã hội (02 Tiểu dự án)

a) Tiểu dự án 1: Phát triển hệ thống trợ giúp xã hội đối với các đối tượng yếu thế.

- Phòng chống mua bán người;

- Phòng chống mại dâm

b) Tiểu dự án 2: Phát triển hệ thống dịch vụ hỗ trợ người cai nghiện ma túy.

Dự án phát triển hệ thống dịch vụ hỗ trợ người cai nghiện ma túy, người bán dâm và nạn nhân bị mua bán

2.4. Dự án 4. Giám sát, đánh giá Chương trình

Cơ quan chủ trì Chương trình các cấp, các cơ quan chủ trì thực hiện các tiểu dự án các cấp và các cán bộ được phân công phụ trách và tổ chức thực hiện công tác giám sát, đánh giá, các tổ chức và cá nhân có liên quan.

3. Đề xuất tỷ lệ vốn đối ứng của địa phương

- Các tỉnh chưa tự cân đối được ngân sách, nhận hỗ trợ từ ngân sách Trung ương dưới 50%, ngân sách địa phương đối ứng tối thiểu 15% tổng ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình.

- Các địa phương nhận hỗ trợ từ ngân sách trung ương từ 50% - dưới 70%, ngân sách địa phương đối ứng tối thiểu bằng 10% tổng ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình.

4. Đề xuất, kiến nghị khác

Để triển khai thực hiện Chương trình MTQG Giảm nghèo và An sinh xã hội bền vững giai đoạn 2021-2025 đảm bảo mục tiêu đề ra, đề nghị Trung ương sớm phê duyệt Chương trình; giao chỉ tiêu và kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 và sớm ban hành các cơ chế, chính sách thực hiện để các địa phương kịp thời cụ thể hóa chính sách của Trung ương và ban hành các chính sách đặc thù của địa phương để triển khai thực hiện.

Trên đây là Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Quyết định số 48/2016/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ Tướng Chính phủ, trên địa bàn tỉnh Tây Ninh./.

Nơi nhận:
- Bộ LĐTBXH;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở: KHĐT, TC, LĐTBXH;
- LĐVP;
- PKGVX;
- Lưu: VT VP. UBND tỉnh.(tuân)

5

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Mạnh Hùng